

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH  
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ BÌNH THẠNH

DANH SÁCH NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

| STT | Họ và tên              | Năm sinh |      | Chức vụ         | Đơn vị | Trình độ                                                       |         |            |                                      |                                           |                      | Hình thức tuyển dụng                          |                         |
|-----|------------------------|----------|------|-----------------|--------|----------------------------------------------------------------|---------|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|
|     |                        | Nam      | Nữ   |                 |        | Chuyên môn                                                     | Sự phạm |            |                                      |                                           | Tin học              |                                               | Ngoại ngữ (Anh văn)     |
|     |                        |          |      |                 |        |                                                                | SPKT    | SP bậc 1,2 | SP nghề                              | SP khác                                   |                      |                                               |                         |
| 1   | Nguyễn Ngọc Bảo Chương | 1974     |      | Giáo viên       | BGH    | Thạc sĩ Quản lý giáo dục<br>Cử nhân Sư phạm Tin học            |         |            | x                                    |                                           | CN                   | B1                                            | Viên chức               |
| 2   | Nguyễn Đức Lâm         | 1973     |      | Giáo viên       | BGH    | Thạc sĩ Quản lý giáo dục<br>Cử nhân Sư phạm Tâm lý giáo dục    |         |            |                                      |                                           | CC UD<br>CNTT cơ bản | B1                                            | Viên chức               |
| 3   | Phạm Thị Nguyễn        |          | 1988 | Giáo viên       | Cơ khí | Thạc sĩ Vật lý kỹ thuật;<br>Cử nhân sư phạm Vật lý - Công nghệ |         |            |                                      | CCBD<br>NVSP cho giảng viên ĐH, CĐ        | TC                   | B1                                            | Không xác định thời hạn |
| 4   | Nguyễn Đình Phương     | 1986     |      | Trưởng Khoa     | Điện   | Thạc sĩ Kỹ thuật điện                                          |         |            | x                                    |                                           | TC                   | B1                                            | Viên chức               |
| 5   | Phan Thị Ngọc Sương    |          | 1980 | Giáo viên       | Điện   | Kỹ sư kỹ thuật điện tử - truyền thông                          |         |            | x                                    |                                           | A                    | B                                             | Viên chức               |
| 6   | Trần Anh Hải           | 1988     |      | Giáo viên       | Điện   | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Nhiệt - Lạnh                          |         |            | x                                    |                                           | B                    | C                                             | Viên chức               |
| 7   | Nguyễn Việt Mỹ         | 1985     |      | Phó Trưởng Khoa | CNTT   | Kỹ sư Tin học                                                  |         |            | x                                    |                                           | KS                   | TOEIC                                         | Viên chức               |
| 8   | Vũ Thị Thu Huyền       |          | 1978 | Giáo viên       | Điện   | Kỹ sư Điện khí hóa & cung cấp Điện                             | x       |            |                                      |                                           | A                    | B                                             | Viên chức               |
| 9   | Đỗ Trung Trực          | 1988     |      | Giáo viên       | Cơ khí | Thạc sĩ Kỹ thuật Ô tô                                          |         |            | CCSP<br>dạy nghề; CCKN<br>nghề bậc 3 |                                           | TC                   | B                                             | Thinh giảng             |
| 10  | Trần Thanh Nguyên      | 1973     |      | Giáo viên       | Cơ khí | Kỹ sư cơ khí động lực                                          |         | x          |                                      |                                           | CC UD<br>CNTT cơ bản | chứng nhận<br>khóa học tiếng Đức              | Thinh giảng             |
| 11  | Nguyễn Thị Hà          |          | 1987 | Giáo viên       | KTDV   | Thạc sĩ Quản trị du lịch -<br>nhà hàng - khách sạn             |         |            | x                                    |                                           | A                    | B                                             | Thinh giảng             |
| 12  | Phan Thanh Hằng        |          | 1980 | Giáo viên       | KTDV   | Kỹ sư Cao đẳng thực hành<br>công nghệ may                      |         |            |                                      | SP dạy<br>trình độ Cao đẳng,<br>Trung cấp | CC UD<br>CNTT cơ bản | CC năng lực tiếng<br>Anh tương đương<br>bậc 2 | Xác định thời hạn       |
| 13  | Nguyễn Chí Bửu         | 1979     |      | Giáo viên       | Lái xe | KS Cơ khí động lực                                             |         |            | x                                    |                                           | CC UD<br>CNTT cơ bản | B.Anh                                         | Viên chức               |
| 14  | Lê Đào Hoàng Hà        | 1967     |      | Giáo viên       | Lái xe | Cao đẳng nghề Công nghệ Ô tô                                   |         |            | x                                    |                                           | B                    | B.Anh                                         | Viên chức               |
| 15  | Võ Văn Bạc             | 1974     |      | Giáo viên       | Lái xe | Cao đẳng nghề Công nghệ Điện                                   |         |            | x                                    |                                           | A                    | B.Anh                                         | Viên chức               |
| 16  | Võ Hòa Anh Nguyễn      | 1975     |      | Giáo viên       | Lái xe | KS Cơ khí động lực                                             |         |            | x                                    |                                           | B                    | B.Anh                                         | Viên chức               |
| 17  | Hồ Văn Giới            | 1976     |      | Giáo viên       | Lái xe | KS điều khiển tàu biển                                         |         |            | x                                    |                                           | B                    | B.Anh                                         | Viên chức               |
| 18  | Lê Quang Châu          | 1978     |      | Giáo viên       | Lái xe | KS Cơ khí động lực                                             |         |            | x                                    |                                           | A                    | B.Anh                                         | Viên chức               |

|    |                        |      |      |           |        |                                                |   |   |   |                                          |                   |        |                         |
|----|------------------------|------|------|-----------|--------|------------------------------------------------|---|---|---|------------------------------------------|-------------------|--------|-------------------------|
| 19 | Đoàn Văn Hương         | 1963 |      | Giáo viên | Lái xe | Chứng chỉ kỹ năng nghề QG bậc 1 Công nghệ ô tô |   |   | x |                                          | A                 | A      | Không xác định thời hạn |
| 20 | Đỗ Văn Hiến            | 1969 |      | Giáo viên | Lái xe | Cao đẳng nghề Công nghệ Ô tô                   |   |   | x |                                          | CC UD CNTT cơ bản | B. Anh | Không xác định thời hạn |
| 21 | Lê Tấn Kiệt            | 1978 |      | Giáo viên | Lái xe | Cử nhân Quản trị kinh doanh                    |   |   | x |                                          | CC UD CNTT cơ bản | B. Anh | Xác định thời hạn       |
| 22 | Nguyễn Thanh Hùng      | 1982 |      | Giáo viên | Lái xe | Công nhân kỹ thuật bậc 3/7 Điện tử công nghiệp |   |   | x |                                          | CC UD CNTT cơ bản | B. Anh | Xác định thời hạn       |
| 23 | Nguyễn Trường Thy Nhân | 1971 |      | Giáo viên | CNTT   | Cử nhân ngoại ngữ                              |   |   | x |                                          | A                 | CN     | Thinh giảng             |
| 24 | Đặng Văn Tuyên         | 1976 |      | Giáo viên | Điện   | Kỹ sư công nghệ Nhiệt - điện lạnh              |   |   | x |                                          | B                 | B      | Thinh giảng             |
| 25 | Nguyễn Hữu Minh        | 1986 |      | Giáo viên | KTDV   | Thạc sĩ QTKD; Cử nhân Ngữ văn Anh              |   | x |   |                                          | C                 | CN     | Thinh giảng             |
| 26 | Trần Đình Khôi         | 1956 |      | Giáo viên | CNTT   | Cử nhân khoa học, ngành CNTT                   |   |   | x |                                          | CN                |        | Thinh giảng             |
| 27 | Nguyễn Văn Hiu         | 1985 |      | Giáo viên | CNOT   | Thạc sĩ Kỹ thuật Ô tô, Máy kéo                 |   |   | x |                                          | TC                | B      | Thinh giảng             |
| 28 | Nguyễn Thị Phương Thảo |      | 1990 | Giáo viên | KTDV   | Cử nhân Quản trị Nhà hàng - Khách sạn          |   |   | x |                                          | A                 | TOEIC  | Thinh giảng             |
| 29 | Võ Quang Thu           | 1986 |      | Giáo viên | Cơ khí | Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí                        | x |   |   |                                          |                   | B1     | Thinh giảng             |
| 30 | Bùi Xuân Thu           | 1957 |      | Giáo viên | Điện   | Kỹ thuật viên Điện Công nghiệp                 |   |   | x |                                          |                   |        | Thinh giảng             |
| 31 | Đặng Quang Lung        | 1977 |      | Giáo viên | CNOT   | Kỹ sư Cơ khí động lực                          | x |   |   |                                          | A                 | A      | Thinh giảng             |
| 32 | Nguyễn Đình Phú        | 1971 |      | Giáo viên | CNTT   | Cử nhân Toán - Tin học                         |   |   |   | Chứng nhận hoàn tất chương trình ĐT NVSP | CN                |        | Thinh giảng             |
| 33 | Ngô Tuấn Nhiệm         | 1997 |      | Giáo viên | CNOT   | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô - ĐH SPKT TPHCM  | x |   |   | SP dạy trình độ Cao đẳng                 | CC UD CNTT cơ bản | B      | Thinh giảng             |
| 34 | Hoàng Văn Chuẩn        | 1999 |      | Giáo viên | CNOT   | Kỹ sư kỹ thuật cơ khí (cơ khí ô tô)            |   |   |   | CCNV SPĐH                                | CC UD CNTT cơ bản | TOEIC  | Thinh giảng             |
| 35 | Nguyễn Thanh Điền      | 1989 |      | Giáo viên | CNOT   | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô                  |   |   |   | SP dạy trình độ Cao đẳng                 | CC UD CNTT cơ bản | B      | Thinh giảng             |
| 36 | Nguyễn Văn Hưng        | 1977 |      | Giáo viên | CNOT   | Kỹ sư Cơ khí                                   |   |   |   | CCBD NVSP cho giảng viên ĐH, CĐ          | TC                | B      | Thinh giảng             |

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Bảo Chương**